

Số: *1427*/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 25 lô đất tại Khu Tái định cư 2 Duyệt Trung, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 36/2014/TT BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 để tính giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2151/TTr-STN ngày 26 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm đầu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 25 lô đất tại Khu Tái định cư 2 Duyệt Trung, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

- Vị trí, địa điểm: Tại Khu tái định cư 2, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, gồm 25 lô đất cụ thể như sau:

- + Lô 30: Thửa 69, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 31: Thửa 68, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 32: Thửa 67, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 33: Thửa 66, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 34: Thửa 65, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 35: Thửa 64, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 36: Thửa 63, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 37: Thửa 77, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 38: Thửa 78, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 39: Thửa 79, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 40: Thửa 80, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 41: Thửa 81, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 42: Thửa 82, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 43: Thửa 122, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 44: Thửa 121, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 45: Thửa 120, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 46: Thửa 119, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 47: Thửa 118, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 48: Thửa 117, tờ bản đồ số 50;
- + Lô 49: Thửa 116, tờ bản đồ số 50;

+ Lô 50: Thửa 134, tờ bản đồ số 50;

+ Lô 51: Thửa 135, tờ bản đồ số 50;

+ Lô 101: Thửa 131, tờ bản đồ số 50;

+ Lô 102: Thửa 130, tờ bản đồ số 50;

+ Lô 104: Thửa 175, tờ bản đồ số 50.

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

- Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Giá khởi điểm:

STT	Ký hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất (m ²)	Giá đất tại bảng giá đất QĐ 28/2021/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh tại QĐ 08/2022/QĐ-UBND	Mức điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh	Đơn giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất (đồng/lô)
1	Lô 30	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
2	Lô 31	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
3	Lô 32	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
4	Lô 33	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
5	Lô 34	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
6	Lô 35	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
7	Lô 36	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
8	Lô 37	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
9	Lô 38	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
10	Lô 39	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
11	Lô 40	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
12	Lô 41	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
13	Lô 42	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
14	Lô 43	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
15	Lô 44	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000

STT	Ký hiệu thửa đất	Diện tích thửa đất (m ²)	Giá đất tại bảng giá đất QĐ 28/2021/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh tại QĐ 08/2022/QĐ-UBND	Mức điều chỉnh tăng hệ số điều chỉnh	Đơn giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất (đồng/lô)
16	Lô 45	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
17	Lô 46	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
18	Lô 47	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
19	Lô 48	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
20	Lô 49	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
21	Lô 50	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
22	Lô 51	72	1.030.000	1,1	+5,00	6.287.000	452.664.000
23	Lô 101	72	1.030.000	1,1	+4,29	5.551.000	399.672.000
24	Lô 102	72	1.030.000	1,1	+4,29	5.551.000	399.672.000
25	Lô 104	72	1.030.000	1,1	+4,29	5.551.000	399.672.000
	Tổng	1.800					11.157.624.000

(Bằng chữ: Mười một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi tư nghìn đồng chẵn)

Điều 2. Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng có trách nhiệm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT, Ủy viên UBND tỉnh;
- Các Sở: TNMT, Xây dựng; NN&PTNT, Tư pháp;
- Cục Thuế tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP; TP KT, CV TH;
- Lưu: VT, ND (TT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Thảo